

Bản án số: 42 /2025/HNGĐ-ST

Ngày 18.09.2025.

(V/v Ly hôn, nuôi con)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ**.

Bà Trương Thị Mỹ Hạnh .

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2025 về “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/8/2025 giữa các đương sự:

-**Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị P** – sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.(nay thuộc xã E - tỉnh Đắk Lắk) có mặt.

-**Bị đơn:** Ông **Lưu Trường G** – sinh năm 1987; địa chỉ: I N, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. (nay thuộc phường H - Đà Nẵng). *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, tại bảng tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn **Trần Thị P** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà **Trần Thị P** và ông **Lưu Trường G** kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là (nay thuộc Xã E), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian là phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông G sống không có trách nhiệm với vợ con, cờ bạc rượu chè; cả hai đã ly

thân năm 2024 đến nay, bà Phước không còn tình cảm với ông G nữa, nên bà Phước đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông G.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung, Bà Trần Thị P yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung là Lưu Trần Hoài A – sinh ngày 06/02/2012 và Lưu Trần Thiện N – sinh ngày 11/08/2014, không yêu cầu ông Lưu Trường G cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ chia tài sản chung: Bà Trần Thị P xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn Lưu Trường G : Trong quá trình giải quyết vụ án, ông G đã được Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết, các văn bản tố tụng. Ông G cố tình không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa, tuy nhiên ông không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phước.

Biên bản xác minh ngày 18/7/2025 nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông bà, không báo chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu: Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý, thời hạn giải quyết và việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định. Do đó, quyền và nghĩa vụ của bị đơn đã được thực hiện đầy đủ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Phước được ly hôn với ông G;

Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Lưu Trần Hoài A – sinh ngày 06/02/2012 và Lưu Trần Thiện N – sinh ngày 11/08/2014 cho bà Trần Thị P, trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lưu Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ chia tài sản chung: Bà Trần Thị P xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi cư trú của ông **Lưu Trường G**; Địa chỉ: I N, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. (nay thuộc phường H - Đà Nẵng); Thụ lý, giải quyết

là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông **Lưu Trường G** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ ông G vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị P** và ông **Lưu Trường G** kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc Xã E) hôn nhân trên cơ sở tự nguyện; Hôn nhân giữa bà Phước và ông G đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phước kiên quyết xin ly hôn với ông G; nguyên nhân chính bà cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông G sống không có trách nhiệm với vợ con hay cờ bạc rượu chè, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được, cả hai đã ly thân năm 2024 đến nay, nên bà Phước đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông G.

HĐXX căn cứ vào lời khai của bà Phước cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Biên bản xác minh ngày ngày 18/7/2025 không thể hiện việc bà Phước và ông G có phát sinh mâu thuẫn gì, vì vợ chồng bà không báo chính quyền địa phương nên địa phương không nắm rõ; Tuy nhiên đối với ông G mặc dù Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình, ông G cũng không có ý kiến gì, điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phước đề nghị xin ly hôn với ông G là có cơ sở, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị P đối với ông **Lưu Trường G**.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Phước xác định có 02 con chung là Lưu Trần Hoài A – sinh ngày 06/02/2012 và Lưu Trần Thiện N – sinh ngày 11/08/2014. Ly hôn bà Phước có nguyện vọng được nuôi 02 con, xét thấy hiện nay hai cháu đang ở với bà Phước đang được bà Phước trực tiếp nuôi dưỡng, ông G bỏ đi không về nhà và các con có nguyện vọng ở với bà Phước cho nên bà Phước yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu ông G cấp dưỡng. Cho nên HĐXX cần được chấp nhận yêu cầu bà Phước là có căn cứ.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà **Trần Thị P** xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đánh giá phù hợp với nhận định Tòa án nên cần được chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

-Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị P** đối với ông **Lưu Trường G**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị P** được ly hôn với ông **Lưu Trường G**.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung Lưu Trần Hoài A – sinh ngày 06/02/2012 và Lưu Trần Thiện N – sinh ngày 11/08/2014 cho bà Trần Thị P, trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Trần Thị P** xác định vợ chồng không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà **Trần Thị P** phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Phước đã nộp theo biên lai thu số 8003 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự xã Quảng Hiệp, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (B đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Bà **Trần Thị P** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng **Lưu Trường G** vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *VKSND Khu vực 4;*
- *UBND Xã EaM Droh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã Ký

Nguyễn Đức Hoàng

